

## SỰ NHẤT TRÍ VÀ BẤT ĐỒNG GIỮA CHÍNH SÁCH CỦA MỸ VÀ EU ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ TRUNG ĐÔNG

*Đỗ Trọng Quang*

### Vấn đề Irắc

Giữa tháng 4 năm 2003, Mỹ và Anh mở chiến dịch quân sự đánh đổ chế độ Saddam Hussein ở Irắc, nhưng đúng như lời tiên đoán của Javier Solana, một quan chức cao cấp của Liên minh Châu Âu (EU), sau “hiệu quả quân sự là sự hỗn loạn về dân sự”. Dư luận thế giới, kể cả những người ủng hộ cuộc chiến, đều đặt câu hỏi không hiểu khối đồng minh do Mỹ cầm đầu có khả năng giúp Irắc xây dựng một chế độ chính trị mới không? Trong một bài viết trên tờ Washington Post ngày 2/5/2004, ký giả Michael Getter tổng kết cuộc chiến do Mỹ cùng đồng minh tiến hành như sau: “Ngoài việc bảo Saddam Hussein là kẻ xấu, tất cả những gì chúng ta nghe nói trước khi chiến tranh nổ ra đều không đúng”, như quan hệ giữa Saddam Hussein với Al-Qaeda, vũ khí hạt nhân được cất giấu, phương tiện hủy diệt hàng loạt... Các khuynh hướng đối lập nhau ở Irắc va chạm ngày càng dữ dội, không kể cuộc nổi dậy diễn ra tháng 3 năm 2004 chống lực lượng chiếm đóng, cướp đi sinh mạng nhiều binh sĩ đồng minh, và tháng 4 năm đó một số lớn dân thường Irắc đã bị thương vong trong các vụ khủng bố. Giữa năm 2004, tình hình tại đây khiến cả những người tán thành cuộc chiến cũng thấy xây dựng nước “Irắc mới” quả khó hơn dự đoán. Nhà bình luận chính trị Christoph Bertram (trong tờ One year on, Lindstrom Schmitt) nhận xét:

“Ngoài sự sụp đổ của Saddam Hussein, cuộc chiến tranh của Mỹ chống Irắc chẳng mang lại kết quả gì trong khu vực như những người tiến hành chiến tranh hứa hẹn”. Trước sự công kích người Mỹ ở lại đây quá lâu, cũng như trước yêu cầu của một bộ phận dân chúng Mỹ đòi “đem con em chúng tôi về nước”, câu hỏi chủ yếu được nêu là Mỹ và đồng minh sẽ trao quyền lực thật sự cho chính phủ lâm thời Irắc ở mức độ nào, Liên hợp quốc có thể thay Mỹ đảm đương trách nhiệm giúp dân nước này xác định tương lai chính trị của họ không?

Tại Irắc, hai giáo phái của đạo Hồi là Sunni và Shi'i tuy xung đột nhau về nhiều mặt, nhưng nhất trí với nhau yêu cầu quân đồng minh rút về nước, cả người dân lẫn các nhà lãnh đạo đều mong muốn tự giải quyết công việc của mình. Nếu họ thấy cần sự giúp đỡ từ bên ngoài, thì đó phải là sự giúp đỡ của Liên hợp quốc chứ không phải của Mỹ, vì kết quả trưng cầu ý kiến tháng 5 năm 2004 cho thấy chín phần mười số dân Irắc coi binh lính Mỹ là kẻ chiếm đóng chứ không phải người đến giải phóng hoặc gìn giữ hòa bình (Theo Financial Times, 19/5/2004). Mặt khác, những nước phản đối chiến tranh sẽ chỉ đóng góp cho công cuộc tái thiết Irắc nếu nỗ lực đó do Liên hợp quốc đảm nhiệm. Nhiều nước đưa quân sang Irắc chủ yếu để chúng tỏ họ ủng hộ Mỹ, nhưng bản thân họ và người Mỹ không chú ý tới ý kiến của họ

về cách đối phó với phong trào nổi dậy, nên sau tháng 4 năm 2004 Liên hợp quốc ngày càng được yêu cầu đóng vai trò chủ đạo.

Giữa tháng 5 năm 2004, chính quyền của Tổng thống Bush có dấu hiệu thay đổi thái độ, cùng chính phủ Anh đề nghị Hội đồng Bảo an ra quyết định trao quyền rộng rãi cho nhà cầm quyền Irắc. Chính phủ lâm thời được trao quyền ngày 30/4/2004, nhưng Irắc vẫn cần được cộng đồng quốc tế giúp đỡ, nên nhiều người cho rằng tốt nhất là nước đó được giúp đỡ về quân sự của NATO, về kinh tế của các nước đứng ngoài cuộc chiến tranh. Theo ý kiến của EU, chính phủ Mỹ nên chấp nhận vai trò của Liên hợp quốc giúp Irắc quyết định về chi tiết của hiến pháp, chế độ kinh tế và giáo dục, quan hệ với láng giềng, cũng như căn cứ quân sự của nước ngoài. Mỹ cũng nên tuyên bố rõ ràng là, chính phủ của nước Irắc có chủ quyền có thể đưa ra những quyết định trái với ý muốn và quyền lợi của Mỹ, và Mỹ nên hủy bỏ một số quyết định trước kia của Paul Bremer, người thay mặt chính phủ Mỹ.

Bây giờ, người Mỹ muốn giảm quân số và dân Irắc cũng hoan nghênh việc rút quân. Tuy nhiên, nếu quân đội Mỹ rút đi để Irắc tự giải quyết công việc, thì trước mắt nước này có nguy cơ lại rơi vào cảnh hỗn loạn và nội chiến, vì thế Liên hợp quốc cùng với chính phủ mới của Irắc cần bàn bạc xem lực lượng đồng minh nên rút vào thời gian nào. Mặt khác, các nước phản đối chiến tranh cũng e ngại rằng sau khi quân đồng minh rút đi, tình trạng vô chính phủ và bạo lực trầm trọng thêm sẽ khiến lợi ích của họ bị tổn hại, các tổ chức khủng bố như Al-Qaeda lại hoành hành. Hơn nữa, trong những năm tới, việc thành lập và huấn luyện quân đội Irắc mới đòi hỏi nhiều thời gian hơn dự đoán, trong khi các nhóm vũ trang đối lập ngày càng mạnh và táo bạo. Do vậy, nước này cần sự hỗ trợ của một lực lượng quốc tế đáng kể, có thể của NATO, được bổ sung bằng binh

sĩ nhiều nước không thuộc phương Tây, để NATO không bị coi là công cụ của Mỹ.

### Chính sách đối với Iran

Sau Irắc đến Iran trở thành một vấn đề lớn đối với Mỹ và EU. Tháng 12 năm 2003, Iran ký với Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) một Nghị định thư bổ sung (AP), quy định nước này trao cho IAEA một bản kiểm kê đầy đủ các hoạt động hạt nhân và cho phép cơ quan đó thanh sát để chứng minh Iran tuân thủ Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT). Trong 18 tháng trước đó, Iran đã chịu sức ép quốc tế mạnh mẽ vì không khai báo với IAEA chương trình làm giàu uranium, do đây bị Mỹ cùng EU nghi ngờ đang bí mật theo đuổi kế hoạch vũ khí hạt nhân, mặc dù quan chức nước này, kể cả những người theo đường lối cứng rắn lẫn phái ôn hòa, đều nói rằng chương trình của họ chỉ nhằm mục đích thuận túy dân sự, nhất là sản xuất điện để đáp ứng nhu cầu tương lai về năng lượng. Iran có kế hoạch sản xuất 7.000 MW năng lượng hạt nhân vào năm 2020, đòi hỏi phải có 7 nhà máy điện hạt nhân, bao gồm một nhà máy 1000 MW do Nga giúp đỡ sắp hoàn thành tại Bushehr. Lý do mà Iran nêu ra là: a) Nếu năng lượng cứ được tiêu thụ như hiện nay thì nước đó sẽ phải nhập khẩu dầu thô, b) Dầu lửa của Iran có thể được sử dụng tốt hơn trong công nghệ hóa dầu và những công nghiệp chế biến khác, c) Tiêu thụ nhiên liệu trong nước sẽ tác động tới nguồn thu ngoại tệ từ xuất khẩu dầu thô và khí đốt, d) Càng trông cậy vào dầu lửa càng khiến môi trường bị hủy hoại nghiêm trọng.

Hassan Rowhani, thư ký Hội đồng An ninh Quốc gia Tối cao của Iran, tuyên bố trong Independent 11/11/2003 rằng vũ khí hạt nhân cũng như những vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD) khác “không quan trọng cho học thuyết phòng thủ của chúng tôi”, Iran cam kết theo đuổi mục tiêu thiết lập một khu vực và một thế giới phi hạt nhân.

Chính phủ Iran còn nhấn mạnh nước mình là thành viên của NPT cũng như của các công ước về vũ khí hóa học và sinh học. Mặc dầu tuyên bố chính thức như vậy, nhưng việc che giấu hoạt động đối với IAEA đã gây lo ngại về chương trình làm giàu uranium và plutonium mà người Iran nói là vì mục đích hòa bình. Sau cuộc điều tra của IAEA năm 2003, Iran lần đầu tiên thừa nhận chương trình làm giàu nguyên liệu hạt nhân. Trước đây cho đến tháng 2 năm 2003, chính phủ Têhêran vẫn chưa thông báo với IAEA về cơ sở hạt nhân ở Natanz.

Tháng 2 năm 2003, Iran cho biết một nhà máy sản xuất nước nặng đang được xây dựng tại Arak, sau đây thông báo ý định xây dựng một lò phản ứng mới, sử dụng nhiên liệu uranium thiên nhiên và nước nặng. Chương trình hạt nhân của Iran được nước ngoài giúp đỡ, nhưng Nga và Trung Quốc tuyên bố chỉ hỗ trợ nước này thực hiện vì mục đích hòa bình. Sau cuộc điều tra của IAEA, cơ quan này kết luận Pakixtan là nước đóng vai trò lớn trong chương trình hạt nhân của Iran. Nhà cầm quyền Pakixtan bèn chất vấn các nhà khoa học hạt nhân ở Cơ sở thí nghiệm nghiên cứu tại Kahuta về lời cáo buộc của IAEA đối với việc giúp Iran làm giàu uranium. Những người này, kể cả A.Q. Khan, cha đẻ của chương trình vũ khí hạt nhân Pakixtan, thừa nhận có bán công nghệ cho Iran. Tổng thống Pervez Musharraf nói rằng, nếu có việc chuyển giao công nghệ hạt nhân thì đây là do tổ chức tư nhân thực hiện để kiếm lợi chứ chính phủ không cho phép làm điều đó.

Năm 1995, Nga ký một hợp đồng 800 triệu USD để hoàn thành một nhà máy điện hạt nhân ở Bushehr, nhưng Mỹ đề nghị Nga từ bỏ dự án này vì sợ Iran có thể thực hiện chương trình vũ khí. Tháng 4 năm 1996, Bộ Quốc phòng Mỹ nói rằng Trung Quốc là nước hỗ trợ chính cho Iran, đã giúp đào tạo chuyên viên kỹ thuật và cung cấp cho Iran hai lò phản ứng nghiên

cứu. Trước yêu cầu của Mỹ, chính phủ Bắc Kinh đồng ý hoãn vô thời hạn việc chuyển giao cho Iran một lò phản ứng nghiên cứu sản xuất plutonium và hai lò phản ứng sản xuất điện 300 MW, sau đây thỏa thuận với Mỹ năm 1997 là sẽ hủy bỏ hầu hết sự giúp đỡ cho Iran và không tiến hành các dự án mới.

Phần lớn các nước phương Tây đều cấm bán vật liệu và công nghệ hạt nhân cho Iran từ những năm 1980, song theo một nguồn tin ngoại giao thì nhiều công ty Đức, Áo, Thụy Sĩ cùng một số nước khác đã bị điều tra. Mặc dầu chính phủ Teheran tuyên bố chương trình hạt nhân của mình chỉ nhằm mục đích dân sự, cụ thể là sản xuất điện, nhưng tham vọng vũ khí của họ vẫn bị ngờ vực, vì Iran là một trong những nước có nhiều dầu mỏ nhất thế giới. Theo ước tính của các nhà kinh tế, Iran có khoảng 7% trữ lượng dầu lửa của thế giới, là nước đứng thứ hai về trữ lượng khí đốt. Tháng 12 năm 2004, các cơ quan tình báo Mỹ tin rằng Iran sẽ sản xuất được vũ khí hạt nhân vào cuối thập kỷ này, và có thể sớm hơn nếu được nước ngoài hỗ trợ. Các chính phủ Anh và Pháp dự báo Iran sẽ có vũ khí hạt nhân vào năm 2007.

Trong cuộc chiến tranh thời kỳ 1980-1988 với Irắc, lực lượng vũ trang Iran đã bị tấn công bằng vũ khí hóa học và buộc phải chấp nhận đình chiến sau khi thủ đô Têhêran bị tên lửa Scud bắn phá. Sau khi đình chiến, Tổng tư lệnh quân đội Iran là Akbar Hashemi-Rafsanjani tuyên bố rằng, vũ khí hóa học và vi trùng "có tính chất rất quyết định... Chúng tôi sẽ tự trang bị đầy đủ trong việc sử dụng vũ khí hóa học và vi trùng để tấn công và phòng thủ" (theo *Deadly Arsenal*, p. 256- 257). Vì thế, nếu Iran thúc đẩy chương trình vũ khí hạt nhân để răn đe Irắc thì cũng dễ hiểu.

Sự sụp đổ của chế độ Saddam Hussein đã loại bỏ được mối đe dọa từ Irắc, nhưng Iran vẫn lo ngại về ý đồ của Mỹ đối với mình. Nhiều lần Mỹ thúc ép Mohammed



el Baradei, người đứng đầu Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA), tuyên bố Iran vi phạm cam kết không phổ biến vũ khí hạt nhân và dọa đưa vấn đề ra thảo luận ở Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Các nước EU cũng kết luận rằng chương trình hạt nhân của Iran không phù hợp với lời bảo đảm của quốc gia đó là chỉ nhằm mục đích dân sự. Ngoài vấn đề hạt nhân, Mỹ cáo buộc Iran can thiệp vào miền Nam Irắc, từ chối trao những kẻ bị tình nghi theo Al-Qaeda, ủng hộ tổ chức khủng bố Hezbollah. Quan hệ giữa hai nước vốn căng thẳng từ khi cuộc cách mạng Hồi giáo nổ ra tại Iran, và sau vụ bắt cóc công dân Mỹ. Trong nhiều thập kỷ, Mỹ tìm cách cô lập và trừng phạt Iran về ngoại giao và kinh tế vì cho rằng nước này ủng hộ chủ nghĩa khủng bố, vi phạm nhân quyền, cản trở tiến trình hòa bình ở Trung Đông, góp phần phổ biến vũ khí. Mỹ dọa trừng phạt cả những nước cung cấp cho Iran công nghệ chế tạo WMD.

Các nước EU cũng nhận định Iran không tôn trọng dân chủ và nhân quyền, ủng hộ các tổ chức khủng bố, phát triển tên lửa đạn đạo và WMD, nhưng họ chủ trương một chính sách khác với Mỹ. Các nước đó cho rằng vì họ có cơ quan ngoại giao ở Têhêran, nên nhạy cảm hơn với tình hình nội bộ quốc gia này. Tháng 10 năm 2003, ngoại trưởng Đức, Pháp, và Anh nhắc lại rằng họ không tán thành sức ép của Mỹ đòi đưa vấn đề hạt nhân ra thảo luận ở Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, họ mong muốn tiếp tục đối thoại với Têhêran, tăng cường quan hệ thương mại, cung cấp công nghệ và đầu tư cho Iran, nhưng nước này trước hết phải cam đoan hợp tác đầy đủ với IAEA để xóa tan mối lo ngại của cộng đồng quốc tế về chương trình vũ khí. Chấp nhận đề nghị của ba nước, Iran hứa thực hiện ba điều: báo cáo chính xác và đầy đủ về hoạt động hạt nhân, kể cả danh sách những nguồn cung cấp; ngừng làm giàu uranium; hứa sẽ ký nghị định thư bổ sung của NPT. Thỏa

thuận này được dư luận quốc tế gọi là Tuyên bố Têhêran, ký ngày 21/10/2003, buộc Iran thực hiện cam kết, đặc biệt là đặt việc làm giàu uranium dưới sự giám sát quốc tế.

Để thỏa thuận giữa hai bên được thi hành nghiêm chỉnh, người Iran muốn được đảm bảo rằng nếu họ thực hiện cam kết, thì EU phải giữ lời hứa. Tóm lại, quan hệ giữa Iran với phương Tây phải được xây dựng trên cơ sở lòng tin. Nếu trong cuộc họp của IAEA tháng 9 năm 2004 mà cơ quan này báo cáo rằng Iran đã thành thực hợp tác thì EU sẽ tiếp tục thương lượng về thương mại hai chiều. Tiếc rằng ông Javier Solana không cùng đến Têhêran với ba ngoại trưởng để chứng tỏ rằng hoạt động của các vị đó thực sự là sáng kiến của EU. Cách giải quyết của EU đối với chương trình hạt nhân Iran trái với chủ trương của Mỹ. EU không chống lại chương trình đó, miễn là nó được sử dụng vào mục đích hòa bình. Mỹ và EU nhất trí đòi hỏi Iran trả lời đầy đủ các câu hỏi của IAEA và bảo đảm tuân thủ AP một cách nghiêm chỉnh, nhưng Oasinhton vận động IAEA suốt năm 2003 để cơ quan này tuyên bố Iran không thi hành các điều khoản của NPT, đe dọa áp dụng lệnh trừng phạt của Liên hợp quốc. Theo ý EU, thì sự đe dọa chỉ làm tăng tham vọng của nước đó muốn sản xuất vũ khí. Quan điểm này có vẻ được Nga, Phong trào Không liên kết và cả IAEA ủng hộ.

Têhêran rất muốn cải thiện nền kinh tế của mình nên tha thiết mong ký thỏa thuận thương mại với EU. Tháng 6 năm 2002, các ngoại trưởng EU đồng ý thương lượng về một hiệp định thương mại, nhưng nói rõ trong năm 2003 rằng cuộc đàm phán buôn bán và vấn đề hạt nhân "phụ thuộc lẫn nhau". Từ tháng 4 năm 2003, EU lại thực hiện một chiến lược giải quyết vấn đề phổ biến WMD gồm mấy điểm mấu chốt trực tiếp liên quan đến cuộc khủng hoảng Iran: a) Chú trọng đến



biện pháp chính trị và ngoại giao trong khi chống phổ biến vũ khí; b) Tiến hành nỗ lực chính trị và ngoại giao trước khi xét đến các biện pháp cưỡng chế như trừng phạt, ngăn chặn vận chuyển WMD và sử dụng vũ lực. Nếu đối phó bằng vũ lực, thì phải tuân theo chương VII của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế; c) Công nhận rằng vấn đề WMD có thể được giải quyết tốt nhất bằng giải pháp chính trị.

Tháng 12 năm 2003, IAEA ra một nghị quyết, bày tỏ lo ngại rằng người Iran không thông báo hoạt động hạt nhân của họ. Cơ quan đó kêu gọi nước này hợp tác đầy đủ, thực hiện AP, và ngừng làm giàu uranium. Đáp lại, phó tổng thống Aghazadeh cam kết Iran sẽ cung cấp “một bức tranh đầy đủ về hoạt động hạt nhân” và sẽ thi hành “một chính sách hợp tác và hoàn toàn minh bạch”. Sự nhượng bộ của Iran đã gây chia rẽ trong chính giới nước này, vì trong khi hầu hết những người thuộc phe cải cách ủng hộ quyết định ký AP, thì nhiều nhân vật bảo thủ coi nghị định thư bổ sung là âm mưu của phương Tây nhằm làm suy yếu nước Cộng hòa Hồi giáo. Giáo chủ Ahmad Jannati nói rằng AP là “sự sỉ nhục đặc biệt đối với chúng ta, và ta không nên chấp nhận nó trong bất cứ hoàn cảnh nào”, còn tờ báo Jumhuri Islami theo đường lối cứng rắn đã tả việc Iran ký AP là “sự ô nhục muôn đời” (BCC News Online, 22/10/2003).

Tuy một số kẻ phản đối lớn tiếng nghi ngờ sự tồn tại lâu dài của thỏa thuận, nhưng AP vẫn được những thế lực lớn ủng hộ, như trưởng đoàn thương thuyết Hassan Rowhani, người được lãnh tụ tối cao là Giáo chủ Ali Khamenei nâng đỡ. Chính quyền tương đối nhất trí trong quyết định hợp tác để tránh bị cô lập và viễn cảnh buôn bán với EU không bị tổn hại. Tuy nhiên, Hassan Rowhani vẫn có phần tiêu cực khi ông ta nói rằng “việc đình chỉ làm giàu uranium có thể kéo dài một ngày

hay một năm, tùy theo Iran có tiếp tục tin rằng sự đình chỉ đó có lợi hay không” (Theo Everts, *The EU and Iran*, p3).

### **Thái độ của Mỹ và EU đối với Iran**

Các nhà lãnh đạo châu Âu đã thận trọng tham khảo ý kiến nhiều nước khác trong cộng đồng quốc tế, đặc biệt là Mỹ, trước khi hành động. Tổng thống Bush cũng thấy cần có giải pháp thống nhất đối với cuộc khủng hoảng Iran. Ngày 8/9/2003, Kenneth Brill, đại diện của Mỹ ở IAEA, nói rằng Oasinhton nhận thấy “các nước thành viên khác muốn cho Iran một cơ hội cuối cùng để nước đó không thoái thác nữa”. Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Richard Armitage, ngày 29 tháng 10 năm đó đã hoan nghênh bước tiến bộ đạt được ở Têhêran, tuy ông ta vẫn nhắc lại điều kiện mà ngoại trưởng Anh Jack Straw đưa ra là mọi điều đều phụ thuộc việc Iran thực hiện thỏa thuận như thế nào.

Bất đồng nảy ra giữa Mỹ và EU khi đề cập tới báo cáo của người đứng đầu IAEA cho rằng “Iran che giấu nhiều khía cạnh trong hoạt động hạt nhân”, nhưng không kết luận nước đó đang phát triển vũ khí. Phản ứng lại báo cáo này, Kenneth Brill tuyên bố rằng “chắc chắn” Iran đã không thực hiện nghĩa vụ của mình. Thứ trưởng John Bolton phụ họa thêm rằng “chẳng thể nào tin được” là người ta không kết luận Iran đang phát triển vũ khí hạt nhân. Ngược lại, các quốc gia trong EU muốn có lời tuyên bố mềm mỏng hơn, không lên án Iran để còn tiếp tục đối thoại. Cách tiếp cận này phản ánh ý muốn không làm hại những bước đi tích cực của Iran, đồng thời nói với chính phủ nước này rằng Iran bây giờ cần phải hợp tác đầy đủ để khủng hoảng khỏi leo thang.

Ngày 26/11/ 2003, nghị quyết của IAEA hoan nghênh Iran đã tích cực hợp tác và coi trọng nghị quyết ngày 12 tháng 9, nhưng vẫn hối thúc Iran nghiêm chỉnh thực hiện nghĩa vụ “cả ở lời văn lẫn tinh



thần” (Theo IAEA, 26/10/2003). Dù sao, nghị quyết 26/11/2003 đã tạo cho chính quyền Têhêran một cơ hội nữa để chứng tỏ thiện chí bằng cách cung cấp “một hình ảnh đúng, đầy đủ, và dứt khoát” (Theo IAEA, 26/10/2003) về chương trình hạt nhân của mình trước kia và hiện nay. Ngày 18/12/2003, Iran ký một nghị định thư bổ sung (AP) với IAEA và trước khi AP có hiệu lực Iran phải cho cơ quan đó “quyền hạn rộng rãi hơn để kiểm tra chương trình hạt nhân của nước này” (Theo IAEA, 26/10/2003). Tháng 10 năm 2003, Têhêran đồng ý thi hành nghị định thư ngay trước khi nó được quốc hội thông qua. Với sự giúp đỡ của các nước, nhiệm vụ của IAEA bây giờ là làm sáng tỏ mạng lưới cung cấp vật liệu hạt nhân cho Iran, giúp nước này tin tưởng ở sự giúp đỡ hợp pháp và minh bạch để thực hiện chương trình hạt nhân hòa bình.

Trong quan hệ giữa Iran với Mỹ, tình hình đã thay đổi đôi chút từ năm 1997, khi ông Mohammed Khatami, một nhân vật ôn hòa và có tư tưởng cải cách, trúng cử tổng thống. Ông cố gắng sửa những sai lầm của cuộc cách mạng Hồi giáo để giảm bớt sự cô lập của nước mình và cải thiện quan hệ quốc tế. Ông Khatami thành công bước đầu khi làm cho tình hình bang giao với thế giới Ả rập và châu Âu bớt căng thẳng, thậm chí tìm cách thiết lập lại quan hệ ngoại giao với Mỹ. Tiếc thay, tình trạng thù địch trong quan hệ Mỹ - Iran không giảm khi ông Mohammed Khatami bị phái bảo thủ trong nước gạt bỏ. Trong diễn văn đọc tháng 1 năm 2002, Tổng thống Bush liệt Iran vào “trục ma quỷ”, khiến nước này lo ngại bị Mỹ bao vây về chiến lược. Sự có mặt của quân đội Mỹ ở Irắc và Apganixtan càng khiến Iran đề phòng Mỹ can thiệp vào nước mình, nhất là khi chính phủ Mỹ tuyên bố sau sự kiện 11/9 rằng họ có ý định đánh đòn phủ đầu vào chủ nghĩa khủng bố và các nước phổ biến WMD, cũng như khi Mỹ để lộ ý đồ lật

đổ chế độ hiện hành của Iran. Do đấy, người Iran có thể cho rằng vũ khí hạt nhân là phương tiện duy nhất để răn đe Mỹ, khi họ biết không thể đương đầu với Mỹ bằng vũ khí thông thường trong trường hợp xung đột quân sự nổ ra.

Ngoài Mỹ, người Iran còn đề phòng Ixraen tấn công vì họ đã ủng hộ các tổ chức chống Ixraen như Hezbolla ở Libăng cũng như Hamas và Islamic Jihad tại Palextin. Hơn nữa, Ixraen vốn có vũ khí hạt nhân và tên lửa tầm xa, lại sẵn sàng đánh chặn trước các mối đe dọa hạt nhân.

Tuy nhiên, sức ép của nhiều nước buộc Iran phải suy nghĩ. Thí dụ, chính phủ Nga yêu cầu nhà cầm quyền Têhêran phải có thái độ minh bạch đối với chương trình hạt nhân và phải ký AP. Tháng 10/2003, Nga thông báo hoãn một năm việc khởi động nhà máy điện Bushehr, trong khi Nhật Bản tuyên bố chờ Iran ký AP rồi mới thương lượng việc đầu tư vào ngành dầu khí nước này (Theo Shaffer, Iran at the Nuclear Threshold. Còn Mỹ và EU thì vẫn bất đồng ý kiến trong cách ứng xử với Iran, vì trong khi Mỹ tìm cách cô lập và trừng phạt Iran để mong nước đó thay đổi chính sách hạt nhân, thì các nước EU, nhất là Anh, Đức và Pháp, chủ trương đối thoại. Đôi khi, những cách tiếp cận khác nhau này phát triển thành mâu thuẫn công khai, vì trong khi Mỹ kiên quyết chống mọi chương trình hạt nhân của Iran thì EU ủng hộ nước đó thực hiện chương trình vì mục đích hòa bình.

### **Vấn đề Ixraen-Palextin**

Một trong những vấn đề khiến thế giới đau đầu và mệt mỏi là cuộc xung đột Ixraen - Palextin. Trong khi nhiều người nghĩ rằng vấn đề cần được giải quyết bằng thương lượng giữa các bên liên quan và cộng đồng quốc tế nên gây sức ép để tìm kiếm giải pháp “hai nhà nước cùng tồn tại” thì tình hình thực tế không khiến người ta lạc quan. Mặc dầu thủ tướng

Ariel Sharon có kế hoạch rút khỏi dải Gada và các chính phủ châu Âu cũng hoan nghênh việc rời bỏ vùng đất chiếm đóng, nhưng như ngoại trưởng Ireland là Brian Cowen đã nói tại cuộc họp báo ngày 16/4/2004, “không có sáng kiến đơn phương nào có thể đem lại hòa bình vĩnh viễn” (Theo Irish Times, 17/4/2004). Bạo lực vẫn leo thang, các vụ đánh bom liều chết tiếp tục diễn ra, “bức tường an ninh” được xây dựng trên lãnh thổ Palestin. Nhiều người châu Âu và Mỹ cho rằng việc tạo lập hòa bình ở Trung Đông thế nào cũng thất bại vì họ cho rằng cả EU và Mỹ đều rất mập mờ trong chính sách “hai nhà nước” Ixraen và Palestin.

Trong khi đó, nhiều người Ixraen nói rằng họ sẽ không rời khỏi các đô thị lớn ở Bờ Tây nếu an ninh của họ không được đảm bảo, vì cơ quan an ninh của Palestin quá yếu nên không đảm đương được trách nhiệm. Tuy vậy, nếu người Ixraen không rút đi hoàn toàn thì nhà cầm quyền Palestin khó có thể trấn áp các tổ chức cực đoan. Chính vì thế, một câu hỏi được nêu ra là, liệu có nên để một lực lượng bên ngoài tiếp quản các vị trí của quân đội Ixraen khi hai bên tranh chấp chưa tin nhau hay không.

Các ngoại trưởng châu Âu tán thành biện pháp này, tuy còn ngập ngừng vì lo ngại lực lượng bên ngoài, cụ thể là NATO, có thể trở thành mục tiêu đánh bom liều chết. Lực lượng NATO chỉ có thể hoạt động khi các nhóm Hamas và Islamic Jihad ngừng khủng bố; phương Tây nên nói rõ lực lượng NATO đến đây để giúp người Palestin thành lập nhà nước chứ không phải để chiếm đóng lâu dài. Như vậy họ sẽ được dân chúng hoan nghênh, nhất là khi họ giúp huấn luyện lực lượng an ninh của Palestin. Một số nhân vật ở châu Âu, trong đó có nguyên ngoại trưởng Pháp Dominique Villepin, thì nói rằng EU nên gửi lực lượng gìn giữ hòa bình đến đây, nhưng phải là lực lượng do NATO cầm đầu, bao gồm cả binh lính nhiều nước

ngoài châu Âu, nhất là các nước Arập và Hồi giáo. Ý tưởng về một lực lượng do NATO cầm đầu ở dải Gada và Bờ Tây được một số người Mỹ ủng hộ trong đó có cả những quan chức cao cấp trong Hội đồng An ninh Quốc gia, đặc biệt là thượng nghị sĩ John Warner.

Nhưng đối với nhiều nhà hoạch định chính sách ở châu Âu thì thái độ của Mỹ khiến nhiều người vô cùng thất vọng, vì nó không góp phần thúc đẩy tiến trình hòa bình. Chính quyền của Tổng thống Bush không chịu gây sức ép để Ixraen điều chỉnh lập trường mà chỉ muốn ủng hộ chính sách cứng rắn của nước đó. Đây là một điểm bất đồng lớn giữa Mỹ và EU, thậm chí khiến một số nhân vật châu Âu nghĩ rằng EU cần phải rút ra kết luận từ lập trường của Mỹ và lựa chọn một cách tiếp cận riêng của châu Âu táo bạo hơn.

### **Kết luận**

Sau những bất đồng sâu sắc về chiến tranh Irắc, về giải pháp cho cuộc xung đột Ixraen - Palestin và về chương trình hạt nhân của Iran, EU và Mỹ lại nhận ra một sự thật là, mọi vấn đề chỉ có thể giải quyết khi có sự đồng thuận của hai bên. Những vấn đề rắc rối của Trung Đông sẽ còn thu hút sự chú ý của cộng đồng quốc tế trong nhiều năm tới, nhưng sự lựa chọn một chiến lược chung linh hoạt của nước Mỹ và Liên minh Châu Âu có thể đem lại nhiều kết quả. Chiến lược đó sẽ có tác dụng nếu những người lãnh đạo của châu Âu mạnh dạn hơn và chính quyền Mỹ nhạy cảm hơn về chính trị.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Washington Post, 2 May 2004
2. Financial Times, 19 May 2004
3. Irish Times, 17 April 2004
4. Foreign Affairs, May/June 2003
5. International Affairs, 80, 4 (2004)
6. International Affairs, 80, 2 (2004)